



TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI PHÍA NAM

Email: trongtaithuongmaiphianam@stac.com.vn

Tel: (028) 7303 9396 | Website: stac.com.vn

BẢN DỊCH
HƯỚNG DẪN CỦA HIỆP HỘI LUẬT SƯ QUỐC TẾ
(IBA) VỀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH TRONG
TRỌNG TÀI QUỐC TẾ



A Note on Translations

This document was originally prepared in English by a working group of the International Bar Association and was adopted by IBA Council Resolution. In the event of any inconsistency between the English language versions and the translations into any other language, the English language version shall prevail.

Translated by:

Dr. Le Nguyen Gia Thien, Hoang Vu Cuong, Kieu Anh Vu, Huynh Quang Thuan and Pham Thi Thuy of the Southern Trade Arbitration Centre, Vietnam.

Reviewed by: Professional committee chaired by Prof. Dr. Do Van Dai, Superior Lecturer of Ho Chi Minh City University of Law.

***HƯỚNG DẪN CỦA HIỆP HỘI LUẬT SƯ QUỐC TẾ (IBA) VỀ
XUNG ĐỘT LỢI ÍCH TRONG TRỌNG TÀI QUỐC TẾ***

Được thông qua bởi Nghị quyết của Hội đồng IBA vào thứ năm, ngày 23 tháng 10 năm 2014 (được cập nhật vào ngày 10 tháng 8 năm 2015)

Hiệp hội Luật sư Quốc tế
Tầng 4, đường Bride 10 St
Luân Đôn EC4A 4AD
Vương Quốc Anh
Tel: +44 (0)20 7842 0090
Fax: +44 (0)20 7842 0091
www.ibanet.org

Đã được đăng ký bản quyền bởi
© Hiệp hội Luật sư quốc tế 2014

Tất cả các phần của tài liệu này đã được đăng ký bản quyền, không được sao in hay sử dụng dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử hay cơ học, kể cả sao chép, ghi chép hoặc lưu lại trên bất kỳ hệ thống tìm kiếm và lưu trữ thông tin nào mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền.

Nội dung

- **Hướng dẫn của IBA về Xung đột Lợi ích trong Trọng tài Quốc tế 2014**
- **Giới thiệu**
- **Phần I: Những tiêu chuẩn chung về tính vô tư, độc lập và công khai**
- **Phần II: Thực tiễn áp dụng những Tiêu chuẩn chung**

Hướng dẫn của IBA về Xung đột Lợi ích trong Trọng tài Quốc tế 2014

Kể từ khi được ban hành vào năm 2004, *Hướng dẫn của IBA về Xung đột lợi ích trong Trọng tài Quốc tế* (“*Hướng dẫn*”)¹ được công nhận rộng rãi trong cộng đồng trọng tài quốc tế. Các trọng tài viên thường xuyên sử dụng *Hướng dẫn* này khi ra quyết định về khả năng chỉ định trọng tài viên và công khai thông tin. Tương tự vậy, các bên trong tranh chấp và luật sư của họ thường xuyên cân nhắc xem xét *Hướng dẫn* này nhằm đánh giá tính độc lập và vô tư của trọng tài viên, và các tổ chức trọng tài cũng như các tòa án thường tham khảo *Hướng dẫn* này để xem xét phân đối đối với trọng tài viên. Như đã được dự tính từ khi *Hướng dẫn* được thông qua lần đầu tiên, dịp kỷ niệm 10 năm ban hành được xem là thời điểm thích hợp để đúc kết kinh nghiệm sử dụng *Hướng dẫn* này cũng như xác định các nội dung nào nên được làm rõ hoặc phát triển thêm. Theo đó, năm 2012, Ủy ban Trọng tài của IBA đã bắt đầu xem xét lại *Hướng dẫn* trên, tiến hành bởi một Tiểu ban Xung đột lợi ích mở rộng (“*Tiểu ban*”)², họ đại diện cho các nền pháp lý đa dạng với đầy đủ các thành phần, bao gồm luật sư, trọng tài viên và người sử dụng trọng tài. Tiểu ban này do David Arias làm chủ tịch, sau này do Julie Bédard đồng chủ tịch, và quá trình đánh giá đã được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Pierre Bienvenu và Bernard Hanotiau.

Ban đầu *Hướng dẫn* có mục đích áp dụng cho cả trọng tài thương mại và đầu tư, tuy nhiên qua quá trình xem xét lại vẫn tồn tại sự không chắc chắn khi áp dụng *Hướng dẫn* này trong lĩnh vực trọng tài đầu tư. Tương tự, mặc dù có ý kiến cho rằng bản gốc của *Hướng dẫn* mở rộng áp dụng cho các chuyên gia không thuộc lĩnh vực pháp lý tham gia dưới vai trò một trọng tài viên, tuy nhiên vẫn chưa có sự rõ ràng nào cho điều này. Có một sự đồng thuận trong việc ủng hộ kết luận rằng *Hướng dẫn* áp dụng cho cả trọng tài lĩnh vực thương mại và đầu tư, cũng như việc đảm nhiệm vai trò trọng tài viên của cả các chuyên gia pháp lý và các chuyên gia không thuộc lĩnh vực pháp lý.

Tiểu ban đã cân nhắc kỹ lưỡng một số các vấn đề nhận được sự quan tâm trong thực tiễn trọng tài quốc tế kể từ năm 2004, chẳng hạn như tác động của việc ‘từ bỏ trước’, tình huống khi có sự đồng thời hoạt động dưới hai vai trò (luật sư lẫn trọng tài viên) trong các vụ việc không liên quan nhưng phát sinh những vấn đề pháp lý tương tự thì liệu có đảm bảo nguyên tắc công khai hay không, “vấn đề” xung đột, tính độc lập và vô tư của

¹ *Hướng dẫn* 2004 đã được soạn thảo bởi một Nhóm Công tác gồm 19 chuyên gia: Henri Alvarez, Canada; John Beechey, nước Anh; Jim Carter, Hoa Kỳ; Emmanuel Gaillard, Pháp; Emilo Gonzales de Castilla, Mexico; Bernard Hanotiau, nước Bỉ; Michael Hwang, Singapore; Albert Jan van den Berg, nước Bỉ; Doug Jones, nước Úc; Gabrielle Kaufmann-Kohler, Thụy Sĩ; Arthur Marriott, nước Anh; Tore Wiwen Nilsson, Thụy Điển; Hilmar Raeschke-Kesler, nước Đức; David W Rivkin, Hoa Kỳ; Kláru SÁCH, nước Đức; Nathalie Voser, Thụy Sĩ (Báo cáo viên); David Williams, New Zealand; Des Williams, Nam Phi; và Otto de Witt Wijnen, Hà Lan (Chủ tịch).

² Thành viên của Tiểu ban Xung đột lợi ích mở rộng là: Habib Almulla, các Tiểu Vương quốc Ả Rập thống nhất; David Arias, Tây Ban Nha (Đồng Chủ tịch); Julie Besdard, Hoa Kỳ (Đồng Chủ tịch); José Astigarraga, Hoa Kỳ; Pierre Bienvenu, Canada (Đồng Chủ tịch đánh giá); Karl-Heinz Böckstiegel, nước Đức; Yvé Derains, Pháp; Teresa Giovannini, Thụy Sĩ; Eduardo Damião Gonçalves, Brazil; Bernard Hanotiau, nước Bỉ (Đồng Chủ tịch đánh giá); Paula Hodges, nước Anh; Carole Malinvaud, Pháp; Ciccu Mukhopadhaya, Ấn Độ; Yoshimi Ohara, Nhật Bản; Tinuade Oyekunle, Nigeria; Eun Young Park, Hàn Quốc; Constantine Partasides, nước Anh; Peter Rees, Hà Lan; Anke Sesler, nước Đức; Guido Tawil, Argentina; Jingzhou Tao, Trung Quốc; Gäetan Verhoosel, nước Anh (Báo cáo viên); Nathalie Voser, Thụy Sĩ; Nassib Ziadé, các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất; và Alexis Mourre. Thành viên hỗ trợ bao gồm: Niuscha Basiri, nước Bỉ; Alson Fitzgerald, Canada; Oliver Cojo, Tây Ban Nha; và Ricardo Dalmaso Marques, Brazil.

thư ký trọng tài hoặc thư ký hành chính và tài trợ của bên thứ ba. Hướng dẫn được sửa đổi đã ghi nhận các kết luận của Tiểu ban về những vấn đề này.

Dựa trên sự phát triển của trọng tài quốc tế trong phạm vi toàn cầu, Tiểu ban cũng đã xem xét liệu Hướng dẫn sửa đổi có nên áp đặt các tiêu chuẩn chặt chẽ hơn về việc công khai thông tin của trọng tài viên hay không. Hướng dẫn sửa đổi đã phản ánh một điều rằng, cho dù cách tiếp cận của Hướng dẫn năm 2004 cơ bản không thay đổi, nhưng vấn đề công khai thông tin nên được yêu cầu trong một số trường hợp nhất định mà các trường hợp này chưa được quy định trong Hướng dẫn năm 2004. Cũng cần khẳng định lại rằng thực tế của việc yêu cầu công khai thông tin - hoặc việc một trọng tài viên công khai thông tin - không hàm ý có tồn tại sự nghi ngờ về tính vô tư hoặc độc lập của trọng tài viên. Thật vậy, tiêu chuẩn để tiết lộ thông tin khác với tiêu chuẩn để từ chối tham gia. Tương tự, bản Hướng dẫn được sửa đổi không nhằm mục đích gây ra các trở ngại trong việc đảm nhiệm vai trò trọng tài viên của các luật sư hành nghề trong các công ty luật lớn hoặc các hiệp hội pháp lý theo bất kỳ cách nào.

Hướng dẫn đã được thông qua bởi Nghị quyết của Hội đồng IBA vào thứ năm, ngày 23 tháng 10 năm 2014. Bản Hướng dẫn có thể tải xuống tại:

www.ibanet.org/Publications/publications_IBA_guides_and_free_materials.aspx

Được ký bởi Đồng Chủ tịch của Ủy ban Trọng tài vào thứ năm, ngày 23 tháng 10 năm 2014

Eduardo Zuleta

[Đã ký]

Paul Friedland

[Đã ký]

GIỚI THIỆU

1. Trọng tài viên và đại diện các bên tranh chấp thường không chắc chắn về phạm vi nghĩa vụ công khai thông tin của họ. Với sự phát triển của kinh doanh quốc tế, gồm cả các tập đoàn lớn và các công ty luật quốc tế, đã công khai nhiều thông tin, dẫn đến việc phân tích về tiết lộ thông tin và xung đột lợi ích trở nên phức tạp hơn. Các bên cũng có nhiều cơ hội hơn để sử dụng quyền phản đối trọng tài viên nhằm trì hoãn tố tụng trọng tài, hoặc phản đối sự lựa chọn trọng tài viên của bên kia. Việc công khai về bất kỳ mối quan hệ nào, bất kể ở mức độ nào, có thể dẫn đến việc phản đối trọng tài viên không chính đáng hoặc vô căn cứ. Đồng thời, việc cung cấp thêm thông tin cho các bên là điều quan trọng, nhằm bảo vệ phán quyết trước những phản đối cho rằng thông tin bị che giấu, và nhằm thúc đẩy một môi trường bình đẳng giữa các bên và giữa các luật sư tham gia vào trọng tài quốc tế.

2. Các bên tranh chấp, các trọng tài viên, các tổ chức trọng tài và tòa án phải đối mặt với những quyết định phức tạp rằng thông tin nào trọng tài viên cần công khai và đâu là tiêu chuẩn được áp dụng cho việc công khai thông tin. Bên cạnh đó, các tổ chức trọng tài và tòa án còn đối mặt với những quyết định khó khăn khi có sự phản đối hoặc từ chối trọng tài viên sau khi công bố thông tin. Có sự mâu thuẫn giữa một mặt là quyền của các bên được tiết lộ về những vấn đề có thể dẫn tới sự xem xét tính bình đẳng hoặc độc lập của trọng tài viên nhằm bảo vệ quyền tham gia một phiên xử vô tư, và mặt còn lại là cần tránh các trường hợp từ chối trọng tài viên không cần thiết nhằm bảo vệ khả năng lựa chọn trọng tài viên của các bên.

3. Cộng đồng trọng tài quốc tế có lợi khi quá trình tố tụng trọng tài không bị cản trở bởi những phản đối không có cơ sở chống lại các trọng tài viên và tính hợp pháp của quá trình này không bị ảnh hưởng bởi sự không chắc chắn và sự thiếu thống nhất trong các tiêu chuẩn áp dụng về việc tiết lộ thông tin, sự phản đối và sự từ chối. Hướng dẫn năm 2004 đã cho thấy những tiêu chuẩn lúc đó vẫn còn thiếu tính rõ ràng và thống nhất trong việc áp dụng. Do đó, Hướng dẫn mới này được sửa đổi đã quy định một vài “Tiêu chuẩn chung và Ghi chú giải thích về các tiêu chuẩn chung”. Ngoài ra, nhằm thúc đẩy tốt hơn tính nhất quán và tránh sự phản đối, từ chối hay thay thế trọng tài viên một cách không cần thiết, Hướng dẫn này sẽ liệt kê những tình huống cụ thể cho thấy liệu họ có đảm bảo việc công khai thông tin hay tuyên bố không đủ tư cách trọng tài viên. Danh sách này được lập ra dưới tên gọi Danh sách ‘Đỏ’, ‘Cam’ và ‘Xanh’ (‘Danh sách áp dụng’) đã được cập nhật và thể hiện tại phần cuối của Hướng dẫn này.

4. Hướng dẫn này phản ánh cách hiểu của Ủy ban Trọng tài IBA về thông lệ quốc tế hiện nay, bắt nguồn từ các nguyên tắc được thể hiện trong Tiêu chuẩn chung bên dưới. Những Tiêu chuẩn chung và Danh sách áp dụng dựa trên các đạo luật và án lệ đại diện cho các hệ thống pháp luật và dựa trên các phán quyết và kinh nghiệm của những người hành nghề trong lĩnh vực trọng tài quốc tế. Khi xem xét Hướng dẫn năm 2004, Ủy ban Trọng tài IBA đã cập nhật phân tích về luật pháp và thông lệ ở một số khu vực pháp lý. Hướng dẫn đã cố gắng cân bằng các lợi ích khác nhau của các bên, người đại diện, trọng tài viên và các tổ chức trọng tài, tất cả đều có trách nhiệm đảm bảo tính liêm chính, danh tiếng và hiệu quả của trọng tài quốc tế. Cả Nhóm công tác năm 2004 và Tiểu ban năm

2012/2014 đã tìm kiếm và cân nhắc xem xét quan điểm của các tổ chức trọng tài hàng đầu, luật sư doanh nghiệp và những người liên quan đến trọng tài quốc tế thông qua tham vấn cộng đồng tại các cuộc họp thường niên của IBA và tại các cuộc họp khác với các trọng tài viên và những người làm thực tiễn. Các bình luận được nhận đã được xem xét một cách chi tiết, trong đó nhiều ý kiến bình luận được thông qua. Ủy ban Trọng tài IBA rất trân trọng sự đóng góp nghiêm túc trong các đề xuất của các tổ chức và cá nhân.

5. Hướng dẫn áp dụng cho trọng tài thương mại quốc tế và trọng tài đầu tư quốc tế, dù việc đại diện của các bên được thực hiện bởi luật sư hay những người không phải là luật sư và không phân biệt những chuyên gia pháp lý hay các chuyên gia không hoạt động trong lĩnh vực pháp lý tham gia với tư cách là trọng tài viên.

6. Hướng dẫn này không phải là quy định của pháp luật và không thay thế bất kỳ luật hiện hành của quốc gia hoặc quy tắc trọng tài do các bên lựa chọn. Tuy nhiên, cũng như trường hợp của Hướng dẫn năm 2004 và các bộ quy tắc và hướng dẫn khác của Ủy ban Trọng tài IBA, Hướng dẫn sửa đổi này sẽ được đón nhận rộng rãi trong cộng đồng trọng tài quốc tế và sẽ hỗ trợ các bên, những người làm thực tiễn, trọng tài viên, các tổ chức trọng tài và tòa án trong việc giải quyết các câu hỏi quan trọng về tính độc lập và vô tư. Ủy ban Trọng tài IBA tin tưởng rằng Hướng dẫn sẽ được áp dụng nhanh chóng mà không có một sự mô phạm hay cách giải thích quá mức mang tính hình thức rập khuôn nào.

7. Danh sách áp dụng bao gồm nhiều tình huống đa dạng khác nhau phát sinh trong thực tế, nhưng danh sách ấy không có nghĩa là bao gồm hết tất cả mọi trường hợp. Tuy nhiên, Ủy ban Trọng tài IBA tin rằng Danh sách áp dụng sẽ cung cấp hướng dẫn cụ thể hữu ích trong việc áp dụng Các tiêu chuẩn chung. Ủy ban Trọng tài IBA sẽ tiếp tục nghiên cứu tình hình sử dụng thực tế các Hướng dẫn này nhằm sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn.

8. Năm 1987, IBA đã xuất bản Quy tắc Đạo đức cho Trọng tài viên quốc tế. Các Quy tắc đó bao gồm nhiều chủ đề hơn các Hướng dẫn này và vẫn còn hiệu lực đối với những vấn đề không được nói đến trong Hướng dẫn. Đối với các vấn đề được đề cập ở đây, Hướng dẫn đã thay thế Quy tắc Đạo đức.

Phần I: Những tiêu chuẩn chung về tính vô tư, độc lập và việc công khai

(1) Nguyên tắc chung

Tại thời điểm chấp nhận sự chỉ định trở thành trọng tài viên, mỗi trọng tài viên vô tư và độc lập với các bên và phải giữ được điều này trong suốt quá trình tố tụng trọng tài cho đến khi phán quyết cuối cùng được ban hành hoặc đến khi quá trình tố tụng trọng tài kết thúc trong trường hợp khác.

Giải thích Tiêu chuẩn chung 1:

Nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho Hướng dẫn này là tại thời điểm mỗi trọng tài viên chấp nhận sự chỉ định làm trọng tài viên, họ phải vô tư và độc lập với các bên và phải duy trì được điều này trong toàn bộ quá trình tố tụng trọng tài, kể cả trong thời gian sửa chữa hoặc giải thích phán quyết cuối cùng theo các quy tắc liên quan, giả định khoảng thời gian đó đã được biết trước hoặc có thể xác định trước được.

Câu hỏi được đặt ra là nghĩa vụ này [của trọng tài viên] có nên được mở rộng tới suốt khoảng thời gian mà phán quyết có thể bị phản đối [giá trị] tại tòa án có thẩm quyền liên quan hay không. [Nhóm làm việc] đã quyết định rằng nghĩa vụ này không nên được mở rộng theo hướng nêu trên, trừ khi phán quyết cuối cùng được dẫn chiếu đến Hội đồng Trọng tài ban đầu theo pháp luật hiện hành hoặc các quy tắc tố tụng có liên quan của trung tâm trọng tài. Vì vậy, nghĩa vụ của trọng tài viên chấm dứt khi Hội đồng Trọng tài đưa ra phán quyết cuối cùng, và ban hành bất kỳ sửa chữa hoặc giải thích nào được phép thực hiện theo các quy tắc liên quan, hoặc thủ tục tố tụng đã chấm dứt sau thời gian tiến hành các thủ tục tố tụng tương tự (ví dụ như vì hòa giải), hoặc trọng tài viên đó không còn thẩm quyền. Trường hợp sau khi diễn ra thủ tục hủy phán quyết trọng tài hoặc thủ tục tố tụng khác mà tranh chấp này được chuyển lại cho cùng một Hội đồng trọng tài trước đó thì có thể cần tiến hành một quy trình công khai và xem xét xung đột lợi ích tiềm mới .

(2) Xung đột lợi ích

(a) Một Trọng tài viên phải từ chối chấp nhận sự chỉ định hoặc, trường hợp tố tụng trọng tài đã bắt đầu thì phải từ chối tiếp tục vai trò là trọng tài viên nếu trọng tài viên có bất kỳ nghi ngờ nào về khả năng có thể vô tư hoặc độc lập của mình.

(b) Nguyên tắc tương tự cũng được áp dụng nếu theo quan điểm của một người thứ ba phù hợp có hiểu biết về những tình huống liên quan đến sự kiện, hoàn cảnh diễn ra hoặc đã phát sinh kể từ khi có chỉ định mà họ có những nghi ngờ chính đáng về sự vô tư hoặc độc lập của trọng tài viên, trừ khi các bên chấp nhận trọng tài viên đó theo các yêu cầu được quy định trong Tiêu chuẩn chung 4.

(c) Những nghi ngờ được xem là chính đáng nếu một người thứ ba phù hợp có biết về các sự kiện và tình huống liên quan, kết luận rằng trọng tài viên đó có khả năng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoài nội dung của vụ kiện đã được trình bày nêu trên bởi các bên khi đưa ra quyết định của mình.

(d) Sự nghi ngờ chính đáng về tính vô tư hoặc độc lập của trọng tài viên chắc chắn sẽ phát sinh trong các tình huống được mô tả tại Danh sách Đỏ Không Thể Từ Bỏ.

Giải thích Tiêu chuẩn chung 2:

(a) Trong trường hợp trọng tài viên nghi ngờ về khả năng vô tư và độc lập của mình, trọng tài viên đó phải từ chối việc chỉ định [làm trọng tài viên]. Tiêu chuẩn này phải được áp dụng bất kể tại giai đoạn nào của quá trình tố tụng. Đây là nguyên tắc cơ bản được quy định trong Hướng dẫn để tránh sự mơ hồ và củng cố niềm tin trong quá trình trọng tài.

(b) Để Các tiêu chuẩn được áp dụng một cách thống nhất nhất có thể, việc kiểm tra liệu có hủy bỏ tư cách trọng tài viên hay không phải tiến hành một cách khách quan. Cụm từ 'sự vô tư hoặc độc lập' bắt nguồn từ việc áp dụng rộng rãi Điều 12 của Luật Mẫu về Trọng tài quốc tế của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL), và việc sử dụng sự kiểm tra bên ngoài dựa trên những nghi ngờ chính đáng về sự vô tư hoặc độc lập của trọng tài viên, như đã quy định tại Điều 12 (2) của Luật Mẫu UNCITRAL, được áp dụng một cách khách quan (một 'sự kiểm tra từ một người thứ ba phù hợp'). Như được đề cập trong phần Giải thích Tiêu chuẩn chung 3 (e), tiêu chuẩn này được áp dụng bất kể tại giai đoạn tố tụng trọng tài nào.

(c) Pháp luật và những quy tắc trọng tài mà dựa trên tiêu chuẩn về những nghi ngờ chính đáng thường không định nghĩa tiêu chuẩn đó. Tiêu chuẩn chung này nhằm cung cấp một số ngữ cảnh để đưa ra quyết định [về vấn đề này].

(d) Danh sách Đỏ Không Thể Từ Bỏ mô tả các hoàn cảnh chắc chắn sẽ phát sinh nghi ngờ chính đáng về sự vô tư hoặc độc lập của trọng tài viên. Ví dụ, vì không ai được phép làm trọng tài xét xử cho chính bản thân mình nên không thể có bất kỳ sự giống nhau về nhân dạng giữa trọng tài viên và một bên. Do đó, các bên không thể bỏ qua vấn đề xung đột lợi ích phát sinh trong một tình huống như vậy.

(3) Công khai thông tin bởi trọng tài viên

(a) Trong trường hợp tồn tại các sự kiện hoặc hoàn cảnh nào mà có thể, theo quan điểm của các bên, làm phát sinh những nghi ngờ về sự vô tư hoặc độc lập của trọng tài viên, thì trọng tài viên đó phải công khai những sự kiện, hoàn cảnh đó cho các bên, tổ chức trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có và nếu quy tắc của tổ chức trọng tài được áp dụng có yêu cầu) và tới các trọng tài viên khác trong hội đồng trọng tài, nếu có, trước khi chấp nhận được chỉ định làm trọng tài viên hoặc ngay sau khi biết về điều đó.

(b) Một tuyên bố hoặc một sự từ bỏ trước liên quan đến xung đột lợi ích có thể phát sinh từ sự kiện và hoàn cảnh có thể xảy ra trong tương lai không loại trừ nghĩa vụ duy trì công khai thông tin của trọng tài viên theo Tiêu chuẩn chung 3(a).

(c) Theo các Tiêu chuẩn chung 1 và 2(a), một trọng tài viên đã công khai thông tin, đánh giá bản thân mình là vô tư và độc lập với các bên, bất kể thông tin mà người đó công khai, do đó họ có khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mình với tư cách là trọng tài viên. Nếu không, người này đang lẽ đã từ chối sự bổ nhiệm hay chỉ định ngay từ đầu hoặc từ bỏ vai trò trọng tài viên.

(d) Bất kỳ nghi ngờ nào về việc liệu một trọng tài viên có nên công khai một số sự kiện, hoàn cảnh nhất định hay không nên được giải quyết theo hướng công khai thông tin đó.

(e) Khi xem xét liệu có nên công khai một số thông tin, sự kiện hay không, trọng tài viên sẽ không cần quan tâm đến liệu quá trình tố tụng đang diễn ra ở giai đoạn đầu hoặc giai đoạn sau.

Giải thích Tiêu chuẩn chung 3:

(a) Nghĩa vụ của trọng tài viên đối với việc công khai thông tin theo Tiêu chuẩn chung 3(a) dựa trên nguyên tắc các bên sẽ có lợi ích khi được thông báo đầy đủ về bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh nào có thể liên quan theo cách nhìn nhận của họ. Theo đó, Tiêu chuẩn chung 3(d) quy định rằng bất kỳ nghi ngờ nào về việc có nên công khai các sự kiện hoặc hoàn cảnh cụ thể hay không thì nên được giải quyết theo hướng công khai. Tuy nhiên, đối với các tình huống, chẳng hạn như tình huống được nêu trong Danh sách Xanh, là những tình huống sẽ không bao giờ có thể dẫn đến việc tuyên bố trọng tài viên không đủ tư cách theo sự kiểm tra khách quan được quy định trong Tiêu chuẩn chung 2, thì không cần thiết phải công khai. Như đã đề cập trong Tiêu chuẩn chung 3(c), việc công khai thông tin không ngầm định rằng những sự kiện được công khai đó là để nhằm hủy bỏ tư cách trọng tài viên theo Tiêu chuẩn chung 2. Nghĩa vụ công khai theo Tiêu chuẩn chung 3(a) là nghĩa vụ có tính chất liên tục.

(b) Ủy ban Trọng tài IBA đã xem xét về việc các trọng tài viên tiềm năng sử dụng ngày càng nhiều các tuyên bố có liên quan đến các sự kiện, hoàn cảnh có thể phát sinh trong tương lai và những xung đột lợi ích tiềm ẩn có thể dẫn đến hệ quả, đôi khi là việc ‘từ bỏ trước’. Những tuyên bố tương tự thế không loại bỏ trách nhiệm duy trì công khai thông tin của trọng tài viên theo Tiêu chuẩn chung 3(a). Tuy nhiên, Hướng dẫn không có hiệu lực và ảnh hưởng tới các tuyên bố hoặc việc từ bỏ trước, bởi vì hiệu lực và ảnh hưởng của bất kỳ tuyên bố trước hoặc sự khước từ nào cũng cần được đánh giá theo văn bản cụ thể của việc tuyên bố hoặc từ bỏ trước đó, hoàn cảnh cụ thể và pháp luật áp dụng.

(c) Công khai thông tin không ngầm định là có tồn tại xung đột lợi ích. Một Trọng tài viên đã công khai thông tin cho các bên đã tự xét thấy bản thân mình là vô tư và độc lập với các bên, bất kể các thông tin được công bố, nếu không trọng tài viên đó đáng lẽ đã từ chối sự chỉ định hoặc từ bỏ vai trò trọng tài viên. Do đó, trọng tài viên công khai thông tin cảm thấy có đủ khả năng để thực hiện nghĩa vụ của mình. Mục đích của việc công khai thông tin là nhằm cho phép các bên quyết định liệu họ có đồng ý với đánh giá của trọng tài viên hay không và nếu họ muốn thì có thể tìm hiểu thêm về hoàn cảnh đó. Việc ban hành Tiêu chuẩn chung được kỳ vọng sẽ loại bỏ quan niệm sai lệch rằng sự công khai đã bao hàm nghi ngờ đủ lớn để loại bỏ tư cách trọng tài viên hoặc thậm chí tạo ra sự mặc định theo hướng trọng tài viên đó không đủ tư cách. Thay vào đó, bất kỳ một sự phản đối nào chỉ thành công nếu đáp ứng được bài kiểm tra khách quan được nêu tại Tiêu chuẩn chung 2 ở phần trên. Theo Nhận xét 5 trong phần Thực tiễn áp dụng các tiêu chuẩn chung, việc không công bố một vài sự kiện và hoàn cảnh nhất định mà có thể, dựa trên nhìn nhận của các bên, làm phát sinh nghi ngờ về sự vô tư hoặc độc lập của trọng tài viên, thì không nhất thiết có nghĩa là tồn tại xung đột lợi ích, hoặc dẫn đến tuyên bố trọng tài viên không đủ tư cách.

(d) Khi xác định sự kiện nào nên được công khai, trọng tài viên cần cân nhắc đến tất cả các tình huống mà họ đã được biết. Trong trường hợp trọng tài viên thấy rằng họ cần công khai thông tin, nhưng các quy tắc nghề nghiệp hoặc các quy tắc hành nghề hay ứng xử nghề nghiệp khác không cho phép thực hiện, thì trọng tài viên đó không nên chấp nhận sự chỉ định làm trọng tài viên hoặc nên từ bỏ vai trò trọng tài viên.

(e) Công khai thông tin hoặc tuyên bố không đủ tư cách trọng tài viên (như đã nêu trong Tiêu chuẩn chung 2 và 3) không phụ thuộc vào giai đoạn cụ thể của quá trình tố tụng trọng tài. Với mục đích xác định xem liệu trọng tài viên nên công khai thông tin, từ chối việc chỉ định hoặc từ chối tiếp tục tham gia với tư cách trọng tài viên hay không, thì chỉ các sự kiện và hoàn cảnh có liên quan, chứ không phụ thuộc vào giai đoạn của quá trình tố tụng tại thời điểm đó, hoặc hậu quả của việc rút khỏi tư cách trọng tài viên. Trong thực tiễn, các tổ chức trọng tài có thể có sự khác biệt tùy thuộc vào giai đoạn của vụ kiện trọng tài. Các tòa án cũng có thể áp dụng các tiêu chuẩn khác nhau. Tuy nhiên, không có sự khác biệt nào được tạo ra bởi Hướng dẫn này mà phụ thuộc vào giai đoạn của tố tụng trọng tài. Trong khi có những lo ngại khi áp dụng trên thực tế rằng, nếu một trọng tài viên phải rút khỏi vụ việc sau khi quá trình trọng tài đã bắt đầu, thì sự khác biệt dựa trên giai đoạn của tố tụng trọng tài sẽ không phù hợp với Các tiêu chuẩn chung.

(4) Sự từ bỏ của các bên

(a) Trong trường hợp trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông tin công khai từ trọng tài viên hoặc sau khi một bên được biết về các sự kiện hoặc hoàn cảnh có thể dẫn đến xung đột lợi ích tiềm ẩn đối với một trọng tài viên, mà một bên không đưa ra phản đối một cách rõ ràng đối với trọng tài viên đó, căn cứ vào đoạn (b) và (c) của Tiêu chuẩn Chung, bên này sẽ được coi là đã từ bỏ [quyền phản đối đối với] mọi xung đột lợi ích tiềm ẩn đối với trọng tài viên dựa trên sự kiện hoặc hoàn cảnh nêu trên và có thể không được đưa ra bất kỳ phản đối nào dựa trên các sự kiện hoặc hoàn cảnh đó ở giai đoạn sau này.

(b) Tuy nhiên, trong trường hợp những sự kiện và hoàn cảnh được quy định trong Danh sách Đỏ Không Thể Từ Bỏ, thì mọi sự khước từ của một bên (kể cả việc tuyên bố hoặc từ bỏ trước, chẳng hạn như nêu trong Tiêu chuẩn chung 3(b)), hoặc bất kỳ thỏa thuận nào của các bên để một người vẫn tiếp tục đảm nhiệm vai trò trọng tài viên, sẽ được xem là không có hiệu lực.

(c) Một người không thể trở thành trọng tài viên khi có tồn tại một xung đột lợi ích, như được miêu tả bằng các ví dụ trong Danh sách Đỏ Có Thể Từ Bỏ. Tuy nhiên, người đó vẫn có thể tiếp nhận việc chỉ định trở thành trọng tài viên hoặc tiếp tục thực hiện với vai trò trọng tài viên, nếu thỏa mãn các điều kiện sau đây:

(i) tất cả các bên, tất cả trọng tài viên và tổ chức trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có), nhận thức đầy đủ về xung đột lợi ích; và

(ii) tất cả các bên đồng ý rõ ràng rằng người này có thể trở thành trọng tài viên, mặc dù có tồn tại xung đột lợi ích này.

(d) Trọng tài viên có thể hỗ trợ các bên trong việc đạt được thỏa thuận để giải quyết tranh chấp, thông qua thương lượng, hòa giải hoặc bằng phương pháp khác, tại bất kỳ giai đoạn nào trong suốt quá trình tố tụng. Tuy nhiên, trước khi làm như vậy, trọng tài viên phải nhận được thỏa thuận rõ ràng giữa các bên rằng việc hành động theo cách thức như vậy không làm cho trọng tài viên không đủ tư cách tiếp tục làm trọng tài viên. Thỏa thuận rõ ràng đó phải được xem xét như là sự từ bỏ có hiệu lực đối với các xung đột lợi ích tiềm ẩn có thể phát sinh từ sự tham gia của trọng tài viên trong quá trình tố tụng đó, hoặc từ thông tin mà trọng tài viên có thể được biết được trong quá trình tố tụng. Nếu sự hỗ trợ của trọng tài viên không dẫn đến một thỏa thuận cuối cùng để giải quyết của vụ án, thì các bên vẫn bị ràng buộc bởi sự từ bỏ của họ. Tuy nhiên, dựa trên Tiêu chuẩn chung 2(a) và mặc dù có thỏa thuận, trọng tài viên sẽ phải từ chối thực hiện nhiệm vụ nếu trọng tài viên có những nghi ngờ về khả năng về sự vô tư và độc lập trong quá trình tố tụng tiếp theo.

Giải thích Tiêu chuẩn Chung 4:

(a) Theo Tiêu chuẩn Chung 4(a), một bên được xem là đã từ bỏ mọi xung đột lợi ích tiềm ẩn, nếu bên đó đã không đưa ra bất kỳ phản đối nào về xung đột lợi ích trong vòng 30 ngày. Thời hạn này sẽ bắt đầu kể từ ngày mà bên đó được biết về các sự kiện hoặc hoàn cảnh liên quan, bao gồm [những sự kiện, hoàn cảnh được biết] thông qua quá trình công khai thông tin.

(b) Tiêu chuẩn chung 4(b) dùng để loại trừ khỏi phạm vi của Tiêu chuẩn chung 4(a) các sự kiện và hoàn cảnh được mô tả trong Danh sách Đỏ Không Thể Từ Bỏ. Một số trọng tài viên đưa ra tuyên bố rằng họ yêu cầu việc từ bỏ của các bên liên quan đến các sự kiện hoặc hoàn cảnh có thể phát sinh trong tương lai. Bất kể có sự từ bỏ như trên được yêu cầu bởi trọng tài viên, như được quy định trong Tiêu chuẩn chung 3(b), thì các sự kiện và hoàn cảnh phát sinh trong tố tụng trọng tài phải được tiết lộ cho các bên trên cơ sở duy trì nghĩa vụ công khai thông tin của trọng tài viên.

(c) Dù cho xung đột lợi ích nghiêm trọng đến đâu, chẳng hạn như xung đột được lấy làm ví dụ trong Danh sách Đỏ Có Thể Từ Bỏ, các bên có thể chỉ định một người thuộc trường hợp đó đảm nhiệm tư cách là trọng tài viên. Ở đây, chúng ta cân cân bằng giữa quyền tự quyết của các bên và mong muốn có những trọng tài viên vô tư và độc lập. Những người có xung đột lợi ích nghiêm trọng, chẳng hạn như những trường hợp được ví dụ trong Danh sách Đỏ Có Thể Từ Bỏ, có thể đóng vai trò trọng tài viên chỉ khi các bên đã được thông báo đầy đủ và từ bỏ rõ ràng những xung đột này.

(d) Ý tưởng về việc Hội đồng Trọng tài hỗ trợ các bên để đạt được sự thỏa thuận giải quyết tranh chấp trong suốt quá trình tố tụng trọng tài tồn tại trong một số hệ thống pháp luật, nhưng một số khác thì không. Sự đồng ý đã được thông báo của các bên về một quá trình như vậy trước khi bắt đầu vụ kiện được coi là một sự từ bỏ có hiệu lực đối với những xung đột lợi ích tiềm năng. Một số hệ thống pháp luật có thể yêu cầu một sự đồng ý như vậy bằng văn bản và có chữ ký của các bên. Tùy thuộc vào các yêu cầu của luật áp dụng, sự đồng ý rõ ràng này có thể là phù hợp và có thể được đưa ra tại một phiên xét xử và được ghi nhận trong biên bản hoặc bản ghi diễn biến quá trình tố tụng. Ngoài ra, để tránh việc các bên sử dụng trọng tài viên với vai trò hòa giải viên như một cách thức để

loại bỏ tư cách của trọng tài viên, Tiêu chuẩn chung quy định rõ ràng việc từ bỏ những xung đột lợi ích vẫn có hiệu lực nếu việc hòa giải không thành công. Khi đưa ra sự đồng ý rõ ràng của mình, các bên phải nhận thức được hệ quả của việc trọng tài viên hỗ trợ họ trong một quá trình giải quyết tranh chấp, bao gồm cả rủi ro về việc từ bỏ vai trò trọng tài viên.

(5) Phạm vi áp dụng

(a) Hướng dẫn áp dụng như nhau cho chủ tịch hội đồng Trọng tài, trọng tài viên duy nhất và trọng tài viên trong hội đồng trọng tài, bất kể được chỉ định như thế nào.

(b) Các thư ký và trợ lý tố tụng hoặc các thư ký và trợ lý hành chính, làm việc cho một trọng tài viên duy nhất hoặc Hội đồng Trọng tài, sẽ bị ràng buộc bởi cùng một nghĩa vụ độc lập và vô tư như các trọng tài viên, và Hội đồng Trọng tài có trách nhiệm nhằm đảm bảo rằng nghĩa vụ này được tôn trọng ở tất cả các giai đoạn của tố tụng trọng tài.

Giải thích Tiêu chuẩn chung 5:

(a) Bởi vì mỗi thành viên của hội đồng trọng tài đều có nghĩa vụ phải vô tư và độc lập, nên các Tiêu chuẩn chung này không phân biệt giữa trọng tài viên duy nhất, chủ tịch hội đồng trọng tài, trọng tài viên do các bên chỉ định hoặc trọng tài viên do tổ chức trọng tài chỉ định.

(b) Một số tổ chức trọng tài yêu cầu các thư ký và trợ lý tố tụng hoặc các thư ký và trợ lý hành chính ký một bản tuyên bố về sự độc lập và vô tư. Cho dù yêu cầu này có tồn tại hay không, các thư ký và trợ lý tố tụng hoặc các thư ký và trợ lý hành chính cho hội đồng trọng tài bị ràng buộc bởi cùng một nghĩa vụ về độc lập và vô tư (bao gồm nghĩa vụ công khai thông tin) như các trọng tài viên, và Hội đồng trọng tài là người có trách nhiệm đảm bảo rằng nghĩa vụ đó được tôn trọng trong suốt tố tụng trọng tài. Hơn thế nữa, nghĩa vụ này áp dụng cho các thư ký và trợ lý tố tụng hoặc các thư ký và trợ lý hành chính của cả hội đồng trọng tài và từng thành viên của hội đồng trọng tài.

(6) Môi quan hệ

(a) Về nguyên tắc, một trọng tài viên được xem như mang danh tính của công ty luật của họ, nhưng khi xem xét mức độ liên quan đến các sự kiện hay tình huống để xác định liệu có tồn tại một xung đột lợi ích tiềm ẩn hoặc liệu có cần công khai thông tin hay không, thì các hoạt động của công ty luật của trọng tài viên, nếu có, và mối quan hệ của trọng tài viên với công ty luật, cần được xem xét trong từng vụ việc riêng biệt. Việc các hoạt động của công ty luật của trọng tài viên liên quan đến một trong các bên sẽ không tự động cấu thành một nguồn xung đột lợi ích, hoặc một lý do để công khai thông tin. Tương tự, nếu một trong các bên là thành viên của một tổ chức có mối quan hệ với công ty luật của trọng tài viên, thì những thông tin này cần được xem xét kỹ lưỡng trong từng vụ việc cụ thể, nhưng sẽ không mặc nhiên cấu thành một nguồn xung đột lợi ích hay một lý do để công khai.

(b) Trong trường hợp một trong các bên là pháp nhân, thì bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân nào có ảnh hưởng mang tính kiểm soát đối với pháp nhân này, hoặc có lợi ích kinh tế

trực tiếp trong, hoặc có nghĩa vụ trả tiền cho một bên đối với phán quyết trọng tài sẽ được ban hành đều được xem như mang danh tính của pháp nhân này.

Giải thích Tiêu chuẩn chung 6:

(a) Quy mô ngày càng tăng của các công ty luật cũng cần được xem là một phần của thực tế trọng tài quốc tế ngày nay. Cần phải cân bằng lợi ích của một bên trong việc chỉ định trọng tài viên do họ lựa chọn, người có thể là luật sư thành viên tại một công ty luật lớn, và tầm quan trọng của việc duy trì niềm tin vào sự độc lập và vô tư của các trọng tài viên quốc tế. Về nguyên tắc, trọng tài viên phải được xem như mang danh tính công ty luật của họ, nhưng hoạt động của công ty của trọng tài viên không tự động tạo ra xung đột lợi ích. Sự liên quan đến các hoạt động của công ty luật của trọng tài viên, như là về tính chất, thời gian hay phạm vi công việc, và mối liên hệ của trọng tài viên với công ty luật được xem xét trong từng vụ cụ thể. Tiêu chuẩn chung 6(a) sử dụng thuật ngữ ‘liên quan’ (‘involve’) thay vì ‘đại diện cho’ (‘acting for’), vì mối quan hệ liên quan giữa công ty luật với một bên có thể bao gồm cả trong những hoạt động khác chứ không chỉ là đại diện về vấn đề pháp lý. Mặc dù các phòng luật sư (barristers’ chambers) không nên bị đánh đồng với các công ty luật (law firms) vì mục đích của những xung đột, và không có tiêu chuẩn chung nào được đưa ra đối với các phòng luật sư, nhưng vấn đề công khai thông tin có thể được đảm bảo dựa trên mối quan hệ giữa các luật sư tranh tụng, các bên tranh chấp hoặc luật sư tư vấn. Khi một bên trong tố tụng trọng tài là một thành viên của một nhóm công ty, các nghi vấn đặc biệt liên quan đến xung đột lợi ích nảy sinh. Bởi vì cơ cấu của công ty riêng lẻ là rất khác nhau nên một quy tắc tổng hợp áp dụng chung cho tất cả là không phù hợp. Thay vào đó, các tình huống cụ thể giữa một công ty liên kết với một tổ chức khác trong cùng một nhóm công ty và mối quan hệ của tổ chức này với công ty luật của trọng tài viên nên được xem xét trong từng trường hợp riêng biệt.

(b) Khi một bên trong trọng tài quốc tế là pháp nhân, thì các cá nhân và pháp nhân khác có thể có sự ảnh hưởng mang tính kiểm soát đến pháp nhân này hoặc có lợi ích kinh tế trực tiếp trong, hay nghĩa vụ trả tiền cho một bên để đạt được phán quyết trọng tài sẽ được ban hành. Từng tình huống nêu ra cần được đánh giá riêng rẽ, và Tiêu chuẩn chung 6(b) làm rõ rằng pháp nhân và cá nhân đó có được xem là có ảnh hưởng đến một bên trong tranh chấp hay không. Bên thứ ba tài trợ và công ty bảo hiểm liên quan đến tranh chấp có thể có lợi ích kinh tế trực tiếp đến phán quyết, và như vậy có thể được xem xét tương tự như một bên trong tranh chấp. Dựa trên những điều này, các khái niệm ‘bên thứ ba tài trợ’ và ‘công ty bảo hiểm’ đề cập đến bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào có đóng góp quỹ, hoặc hỗ trợ vật chất khác, với mục đích để khởi tố hay tự bảo vệ trong vụ tranh chấp và điều đó dẫn tới lợi ích kinh tế trực tiếp trong hoặc một nghĩa vụ trả tiền cho một bên đối với phán quyết sẽ được ban hành.

(7) Nghĩa vụ của các bên và trọng tài viên

(a) Một bên phải thông báo cho trọng tài viên, Hội đồng trọng tài, các bên khác và tổ chức trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có) về bất kỳ mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp giữa trọng tài viên với bên đó (hoặc với một công ty khác trong cùng một nhóm công ty, hoặc một cá nhân có sự ảnh hưởng mang tính kiểm soát đối với bên đó trong trọng tài), hoặc giữa trọng tài viên và cá nhân hoặc tổ chức có lợi ích kinh tế trực

tiếp trong, hoặc có nghĩa vụ trả tiền cho một bên đối với phán quyết sẽ được ban hành trong vụ kiện trọng tài. Một bên phải tự mình thực hiện nghĩa vụ nêu trên sớm nhất có thể.

(b) Một bên phải thông báo cho trọng tài viên, Hội đồng trọng tài, các bên khác và tổ chức trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có) về danh tính luật sư của họ khi tham gia vào trọng tài, cũng như bất kỳ mối quan hệ nào, bao gồm thành viên của cùng một phòng luật sư, giữa luật sư của họ và trọng tài viên. Một bên phải tự mình thực hiện nghĩa vụ nêu trên sớm nhất có thể, và khi có bất kỳ sự thay đổi nào trong đội ngũ luật sư của họ.

(c) Để đáp ứng Tiêu chuẩn chung 7(a), một bên phải tiến hành tìm hiểu một cách hợp lý và cung cấp bất kỳ thông tin liên quan nào mà mình có.

(d) Một trọng tài viên phải có trách nhiệm tìm hiểu một cách hợp lý để xác định bất kỳ xung đột lợi ích nào, cũng như bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh nào có thể làm phát sinh sự nghi ngờ một cách hợp lý về tính vô tư hoặc độc lập của trọng tài viên. Việc không công bố xung đột tiềm ẩn không được lấy lý do vì thiếu thông tin nếu như trọng tài viên không tiến hành tìm hiểu một cách hợp lý.

Giải thích Tiêu chuẩn chung 7:

(a) Các bên được yêu cầu phải công khai các mối quan hệ với trọng tài viên. Công khai các mối quan hệ như vậy sẽ làm giảm rủi ro gặp phải sự phản đối không đáng có đối với sự vô tư và độc lập của trọng tài viên dựa trên những thông tin biết được sau khi chỉ định trọng tài viên. Nghĩa vụ công khai của các bên về bất kỳ mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp nào giữa trọng tài viên và một bên (hoặc một công ty khác trong cùng một nhóm công ty, hoặc một cá nhân có sự ảnh hưởng mang tính kiểm soát đến một bên trong trọng tài) đã được mở rộng đến các mối quan hệ giữa những cá nhân hoặc pháp nhân có lợi ích kinh tế trực tiếp đối với phán quyết trọng tài sẽ được ban hành, chẳng hạn như một tổ chức cung cấp tài chính cho vụ kiện trọng tài, hoặc có nghĩa vụ trả tiền cho một bên đối với phán quyết trọng tài.

(b) Luật sư tham gia vào trọng tài, cụ thể là những người liên quan đến việc đại diện cho các bên trong trọng tài, phải được xác định bởi các bên sớm nhất có thể. Nghĩa vụ của một bên về việc công khai danh tính của luật sư tham gia tố tụng trọng tài mở rộng cho tất cả các thành viên trong đội ngũ luật sư của bên đó và phát sinh ngay từ đầu quá trình tố tụng.

(c) Để hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin, các bên được yêu cầu điều tra bất kỳ thông tin liên quan nào có được một cách hợp lý đối với họ. Thêm vào đó, ngay từ đầu và liên tục trong toàn bộ quá trình trọng tài, bất kỳ bên nào trong trọng tài đều được yêu cầu phải nỗ lực một cách hợp lý để làm sáng tỏ và công khai những thông tin sẵn có mà theo tiêu chuẩn chung, là những thông tin có thể ảnh hưởng đến sự vô tư hoặc độc lập của trọng tài viên.

(d) Để hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin theo Hướng dẫn, trọng tài viên được yêu cầu phải điều tra bất kỳ thông tin liên quan nào có thể có được một cách hợp lý đối với họ.

Phần II: Cách áp dụng Thực tiễn các Tiêu chuẩn Chung

1. Nếu Hướng dẫn nhằm tạo ra một ảnh hưởng quan trọng về mặt thực tiễn, thì Hướng dẫn nên giải quyết các tình huống có thể xảy ra trong thực tiễn tố tụng trọng tài hiện nay và nên cung cấp những hướng dẫn cụ thể cho các trọng tài viên, các bên, các tổ chức trọng tài và các tòa án về những tình huống nào cấu thành hoặc không cấu thành xung đột lợi ích hay nên hoặc không nên được công bố thông tin.

Nhằm mục đích này, Hướng dẫn phân loại các tình huống có thể xảy ra theo các Danh sách Áp dụng sau đây. Các Danh sách này không thể bao gồm tất cả các tình huống. Trong mọi trường hợp, các Tiêu chuẩn Chung sẽ điều chỉnh vấn đề này.

2. Danh sách Đủ bao gồm hai phần: **‘Danh sách Đủ Không Thể Từ Bỏ** (xem các Tiêu chuẩn Chung 2(d) và 4(b)) và **‘Danh sách Đủ Có Thể Từ Bỏ** (xem các Tiêu chuẩn Chung 4(c)). Các danh sách này liệt kê một danh sách mở và chi tiết các tình huống cụ thể, mà tùy vào tình tiết của từng vụ việc nhất định, có thể làm nảy sinh những nghi ngờ chính đáng về tính vô tư và độc lập của trọng tài viên. Tức là, trong những tình huống như vậy, có tồn tại khách quan một sự xung đột lợi ích theo quan điểm của một người thứ ba phù hợp có hiểu biết về các tình tiết và hoàn cảnh liên quan (xem Tiêu chuẩn Chung 2(b)).

Danh sách Đủ Không Thể Từ Bỏ bao gồm các tình huống bắt nguồn từ nguyên tắc bao trùm là không ai có thể là người tự xét xử chính mình. Vì vậy, ngay cả việc chấp nhận tình huống đó cũng không thể giải quyết được xung đột. Danh sách Đủ Có Thể Từ Bỏ bao gồm những tình huống nghiêm trọng nhưng không quá trầm trọng. Vì mức độ nghiêm trọng đó, nên không giống như những tình huống được mô tả trong Danh sách Cam, những tình huống này phải được coi là có thể khước từ, nhưng khi và chỉ khi các bên, mặc dù biết về tình huống xung đột lợi ích, vẫn thể hiện rõ ràng sự sẵn sàng chấp nhận người đó làm trọng tài viên, như quy định trong Tiêu chuẩn Chung 4(c).

3. Danh sách Cam là một danh sách mở về các tình huống cụ thể mà, tùy thuộc vào các tình tiết trong từng vụ việc, có thể, theo quan điểm của các bên, làm phát sinh những nghi ngờ chính đáng về sự vô tư và độc lập của trọng tài viên. Do vậy, Danh sách Cam phản ánh các tình huống mà sẽ thuộc Tiêu chuẩn Chung 3(a), với hệ quả là trọng tài viên có nghĩa vụ công bố thông tin đối với những các tình huống đó. Trong tất cả các tình huống này, các bên được coi là đã chấp nhận trọng tài viên nếu, sau việc công bố đó, không đưa ra phản đối đúng thời hạn nào, như được quy định tại Tiêu chuẩn Chung 4(a).
4. Việc công bố thông tin không ám chỉ rằng có tồn tại xung đột lợi ích; bản thân việc công bố thông tin cũng không nên dẫn đến kết luận rằng trọng tài viên không đủ tư cách, hay giả thuyết nào liên quan đến việc không đủ tư cách. Mục đích của việc công bố thông tin là để thông báo cho các bên về một tình huống mà họ có thể muốn biết thêm thông tin để quyết định một cách khách quan – tức là, theo

quan điểm của một người thứ ba phù hợp có hiểu biết về các tình tiết và hoàn cảnh liên quan - liệu có sự nghi ngờ chính đáng nào về tính vô tư và độc lập của trọng tài viên hay không. Nếu kết luận là không có bất kỳ sự nghi ngờ chính đáng nào thì trọng tài viên có thể tiếp tục vai trò của mình. Ngoài các tình huống được nêu tại Danh sách Đỏ Không Thể Từ Bỏ, trọng tài viên nếu không có sự phản đối đúng thời hạn nào từ các bên hoặc, trong các tình huống được nêu tại Danh sách Đỏ Có Thể Từ Bỏ, nếu các bên có sự chấp nhận cụ thể theo Tiêu chuẩn Chung 4(c). Nếu một bên phản đối trọng tài viên, người đó vẫn có thể làm trọng tài viên nếu người hay cơ quan có thẩm quyền xem xét việc phản đối quyết định rằng phản đối đó không đáp ứng được sự kiểm tra khách quan về việc hủy bỏ tư cách của trọng tài viên.

5. Một sự phản đối sau này dựa vào việc trọng tài viên không công khai các sự kiện hoặc hoàn cảnh đó không nên tự động dẫn tới việc không chỉ định, hủy bỏ tư cách trọng tài viên sau này hay phản đối thành công đối với bất kỳ phán quyết nào. Việc đơn thuần không công khai thông tin không thể khiến một trọng tài viên trở nên không vô tư hay thiếu độc lập: chỉ những sự kiện hoặc hoàn cảnh mà người đó không công bố mới có thể dẫn đến hậu quả như vậy.
6. Các tình huống không được liệt kê tại Danh sách Cam hoặc diễn ra ngoài thời hạn được áp dụng đã nêu trong một số trường hợp của Danh sách Cam nhìn chung không phải công khai thông tin. Tuy nhiên, một trọng tài viên cần đánh giá trên cơ sở từng vụ việc về việc một tình huống, mặc dù không được nêu tại Danh sách Cam, có dẫn đến những nghi ngờ chính đáng về tính vô tư và độc lập của mình hay không. Vì Danh sách Cam là một danh sách mở về một số tình huống được lấy làm ví dụ, nên có thể có những tình huống không được đề cập, mà, tùy thuộc vào hoàn cảnh, có thể cần được công khai thông tin bởi trọng tài viên. Đó có thể là trường hợp, ví dụ như, từng có nhiều lần được chỉ định làm trọng tài viên bởi cùng một bên hoặc cùng một luật sư sau thời hạn ba năm được quy định trong Danh sách Cam, hoặc khi trọng tài viên đồng thời là luật sư trong một vụ kiện không liên quan mà có các vấn đề pháp lý tương tự phát sinh. Tương tự, việc được chỉ định bởi cùng một bên hoặc cùng một luật sư đang đại diện trước một trọng tài viên, khi mà vụ kiện đang diễn ra, cũng có thể phải được công khai thông tin, tùy thuộc vào hoàn cảnh. Mặc dù Hướng dẫn không yêu cầu công khai thông tin về tình tiết là trọng tài viên đồng thời giữ vai trò là thành viên, hoặc trong quá khứ từng là thành viên, trong cùng Hội đồng Trọng tài với một thành viên khác của hội đồng trọng tài, hoặc với một trong những luật sư trong vụ kiện hiện tại, trọng tài viên nên đánh giá tùy từng vụ việc cụ thể liệu tình tiết về việc thường xuyên đóng vai trò luật sư trước, hoặc vai trò trọng tài viên trong, các Hội đồng Trọng tài với một thành viên khác của hội đồng trọng tài có thể có vẻ tạo nên một sự mất cân bằng trong hội đồng trọng tài hay không. Nếu kết luận là 'có', thì trọng tài viên nên cân nhắc công bố thông tin.
7. Danh sách Xanh là một danh sách mở về một số tình huống cụ thể mà trong đó không có sự xuất hiện xung đột lợi ích và không có xung đột lợi ích thực sự theo quan điểm khách quan. Vì vậy, trọng tài viên không có nghĩa vụ công bố những

tình huống nằm trong Danh sách Xanh. Như đã nêu trong phần Giải thích Tiêu chuẩn Chung 3(a), nên có một giới hạn đối với việc công bố thông tin, dựa trên tính hợp lý; trong một số trường hợp, một bài kiểm tra khách quan nên được ưu tiên áp dụng so với một bài kiểm tra mang tính chủ quan đơn thuần theo quan điểm' của các bên.

8. Ranh giới giữa các nhóm tình huống trong các Danh sách có thể mong manh. Có thể có tranh cãi về việc một tình huống nào đó thuộc Danh sách này thay vì Danh sách kia. Ngoài ra, các Danh sách còn sử dụng, trong rất nhiều tình huống, những thuật ngữ chung chung như 'đáng kể' và 'liên quan'. Các Danh sách phản ánh những nguyên tắc quốc tế và thực tiễn tốt nhất trong phạm vi có thể. Việc định nghĩa cụ thể các tiêu chuẩn, mà sẽ được giải thích một cách hợp lý với các tình huống, sự kiện trong mỗi trường hợp, sẽ bị phản tác dụng.

1. Danh sách Đỏ Không Thể Từ Bỏ

- 1.1. Giữa một bên và trọng tài viên có cùng một danh tính, hoặc trọng tài viên là đại diện pháp lý hoặc nhân viên của một tổ chức mà tổ chức này là một bên trong vụ kiện trọng tài.
- 1.2. Trọng tài viên là người quản lý, giám đốc hoặc thành viên của ban kiểm soát, hoặc có tầm ảnh hưởng mang tính kiểm soát đến một trong các bên hoặc một tổ chức có lợi ích kinh tế trực tiếp đối với phán quyết mà sẽ được tuyên trong vụ kiện trọng tài.
- 1.3. Trọng tài viên có lợi ích tài chính hoặc lợi ích cá nhân đáng kể đối với một trong các bên, hoặc đối với kết quả của vụ kiện.
- 1.4. Trọng tài viên hoặc công ty luật của mình thường xuyên tư vấn bên chỉ định, hoặc một công ty liên kết của bên chỉ định, và trọng tài viên hoặc công ty của trọng tài viên có thu nhập tài chính đáng kể từ việc tư vấn này.

2. Danh sách Đỏ Có Thể Từ Bỏ

- 2.1. Mọi liên hệ giữa trọng tài viên với tranh chấp
 - 2.1.1. Trọng tài viên đã đưa ra tư vấn pháp lý, hoặc cung cấp ý kiến chuyên môn, về tranh chấp cho một bên hoặc một công ty có liên kết của một trong các bên.
 - 2.1.2. Trọng tài viên trước đây đã từng liên quan đến vụ tranh chấp.
- 2.2. Lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp của trọng tài viên đối với vụ tranh chấp
 - 2.2.1. Trọng tài viên nắm giữ cổ phần, kể cả trực tiếp hoặc gián tiếp, của một trong các bên, hoặc của một công ty liên kết của một trong các bên mà bên này hoặc công ty liên kết là công ty tư nhân.

2.2.2. Một thành viên thân thiết trong gia đình³ của trọng tài viên có lợi ích tài chính đáng kể đối với kết quả của vụ tranh chấp.

2.2.3. Trọng tài viên, hoặc một thành viên thân thiết trong gia đình của trọng tài viên, có mối quan hệ thân thiết với một bên thứ ba mà có thể phải chịu trách nhiệm truy đòi đối với phần của bên thua kiện.

2.3. Mối quan hệ của trọng tài viên với các bên hoặc luật sư

2.3.1. Trọng tài viên hiện đang đại diện hoặc tư vấn cho một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên.

2.3.2. Trọng tài viên hiện đang đại diện hoặc tư vấn cho luật sư hoặc công ty luật đang đóng vai trò luật sư cho một trong các bên.

2.3.3. Trọng tài viên là một luật sư trong cùng một công ty luật với luật sư của một trong các bên.

2.3.4. Trọng tài viên là người quản lý, giám đốc hoặc thành viên ban kiểm soát, hoặc có tầm ảnh hưởng mang tính kiểm soát trong một công ty có liên kết của một trong các bên, nếu công ty liên kết đó trực tiếp liên quan đến các vấn đề tranh chấp trong vụ kiện trọng tài.

2.3.5. Công ty luật của trọng tài viên đã từng nhưng không còn liên quan đến vụ việc và bản thân trọng tài viên không có liên quan gì.

2.3.6. Công ty luật của trọng tài viên hiện có mối quan hệ thương mại đáng kể với một trong các bên, hoặc công ty có liên kết của một trong các bên.

2.3.7. Trọng tài viên viên thường xuyên tư vấn cho một trong các bên, hoặc công ty có liên kết của một trong các bên, nhưng trọng tài viên và tổ chức của trọng tài viên không có thu nhập tài chính đáng kể từ công việc tư vấn này.

2.3.8. Trọng tài viên có mối quan hệ gia đình thân thiết với một trong các bên, hoặc với người quản lý, giám đốc hoặc thành viên ban kiểm soát, hoặc bất kỳ người nào có tầm ảnh hưởng mang tính kiểm soát trong một trong các bên, hoặc một công ty có liên kết của một trong các bên, hoặc với một luật sư đại diện cho một bên.

2.3.9. Một thành viên thân thiết trong gia đình của trọng tài viên có lợi ích tài chính hoặc cá nhân đáng kể đối với một trong các bên, hoặc một công ty có liên kết của một trong các bên.

3. Danh sách Cam

3.1. Các dịch vụ đã từng cung cấp trước đó cho một trong các bên hoặc những liên quan khác trong vụ việc

³ Trong toàn bộ Danh sách áp dụng, thuật ngữ ‘thành viên thân thiết trong gia đình’ dùng để đề cập tới: vợ/chồng, anh chị em ruột, con cái, cha mẹ hoặc bạn đời, hoặc bất kì thành viên nào khác có mối quan hệ thân thiết trong gia đình.

3.1.1. Trọng tài viên, trong vòng ba năm trở lại đây, đã từng là luật sư cho một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên, hoặc trước kia đã tư vấn cho hoặc được tham vấn bởi bên chỉ định, hoặc công ty liên kết của bên mà bên này có chỉ định trong một vụ việc không liên quan, nhưng trọng tài viên và bên này, hoặc công ty liên kết của bên này, hiện không có mối quan hệ nào.

3.1.2. Trọng tài viên, trong vòng ba năm trở lại đây, đã từng là luật sư chống lại một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên, trong một vụ việc không liên quan.

3.1.3. Trọng tài viên, trong vòng ba năm trở lại đây, đã từng hai hoặc nhiều lần được chỉ định làm trọng tài viên bởi một trong các bên, hoặc một công ty có liên kết của một trong các bên.⁴

3.1.4. Công ty luật của trọng tài viên, trong vòng ba năm trở lại đây, đã cung cấp dịch vụ cho hoặc chống lại một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên, về một vấn đề không liên quan mà không có sự tham gia của trọng tài viên.

3.1.5. Trọng tài viên hiện đang đóng vai trò, hoặc trong ba năm trở lại đây từng đóng vai trò, trọng tài viên trong một vụ kiện trọng tài khác về một vấn đề liên quan mà có sự tham gia của một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên.

3.2. Hiện đang cung cấp dịch vụ cho một trong các bên

3.2.1. Công ty luật của trọng tài viên hiện đang cung cấp dịch vụ cho một trong các bên, hoặc cho một công ty liên kết của một trong các bên, mà không tạo ra một mối quan hệ thương mại đáng kể nào cho công ty luật và không có sự tham gia của trọng tài viên.

3.2.2. Một công ty luật hoặc một tổ chức pháp lý khác mà chia sẻ các khoản phí đáng kể hoặc các khoản thu khác với công ty luật của trọng tài viên cung cấp dịch vụ cho một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên, trước Hội đồng trọng tài.

3.2.3. Trọng tài viên hoặc công ty luật của trọng tài viên đại diện cho một bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên trong vụ kiện trọng tài, một cách thường xuyên, nhưng việc đại diện đó không liên quan đến tranh chấp hiện tại.

3.3. Mối quan hệ giữa một trọng tài viên và một trọng tài viên khác hoặc với luật sư

3.3.1. Trọng tài viên và một trọng tài viên khác là luật sư trong cùng một công ty luật.

3.3.2. Trọng tài viên và một trọng tài viên khác, hoặc luật sư cho một trong các bên, là thành viên của cùng một phòng luật sư.

⁴ Điều này có thể xảy ra trên thực tế trong một số loại trọng tài nhất định, ví dụ như trọng tài hàng hải, thể thao hay mua bán hàng hóa, để thu hút các trọng tài viên từ một nhóm nhỏ hơn hoặc một nhóm cá nhân có chuyên môn. Nếu trong các lĩnh vực đó có tập quán và thực tiễn là các bên thường chỉ định cùng một trọng tài viên trong các vụ việc khác nhau, thì không cần công khai thông tin về tình tiết này, trong đó tất cả các bên trong vụ kiện trọng tài đều quen thuộc với tập quán và thực tiễn đó.

3.3.3. Trọng tài viên, trong vòng ba năm trở lại đây, từng là đối tác, hoặc có mối liên kết khác, với một trọng tài viên khác hoặc bất kỳ một luật sư nào trong vụ kiện trọng tài.

3.3.4. Một luật sư trong công ty luật của trọng tài viên là một trọng tài viên trong một tranh chấp khác liên quan đến cùng một hoặc các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên.

3.3.5. Một thành viên thân thiết trong gia đình của trọng tài viên là đối tác hoặc nhân viên của công ty luật đại diện cho một trong các bên, nhưng thành viên này không hỗ trợ việc giải quyết tranh chấp.

3.3.6. Có mối quan hệ bạn bè cá nhân thân thiết giữa một trọng tài viên và một luật sư của một bên.

3.3.7. Có sự ác cảm giữa một trọng tài viên và luật sư tham gia trong vụ kiện trọng tài.

3.3.8. Trọng tài viên, trong vòng ba năm trở lại đây, đã từng được chỉ định trên ba lần bởi cùng một luật sư, hoặc cùng một công ty luật.

3.3.9. Trọng tài viên và một trọng tài viên khác, hoặc luật sư cho một trong các bên trong vụ kiện trọng tài, hiện đang đóng vai trò hoặc trong vòng ba năm trở lại đây đã cùng đóng vai trò là đồng luật sư.

3.4. Mối quan hệ giữa trọng tài viên và một bên và những người khác liên quan trong vụ kiện trọng tài

3.4.1. Công ty luật của trọng tài viên đang cung cấp những dịch vụ chống lại một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên.

3.4.2. Trọng tài viên đã cộng tác với một bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên, trong hoạt động chuyên môn, ví dụ như là một nhân viên cũ hoặc một đối tác cũ.

3.4.3. Có mối quan hệ bạn bè cá nhân thân thiết giữa một trọng tài viên với một người quản lý hoặc một giám đốc hoặc một thành viên ban kiểm soát của: một bên; một tổ chức có lợi ích kinh tế trực tiếp đối với phán quyết sẽ được tuyên trong vụ kiện trọng tài; hoặc bất kỳ người nào có tầm ảnh hưởng mang tính kiểm soát đến một trong các bên hoặc một công ty có liên kết của một trong các bên hoặc một nhân chứng hoặc chuyên gia.

3.4.4. Có ác cảm giữa một trọng tài viên và một người quản lý hoặc giám đốc hoặc thành viên của ban kiểm soát của: một bên, một tổ chức có lợi ích kinh tế trực tiếp đối với phán quyết; hoặc bất kỳ người nào có tầm ảnh hưởng mang tính kiểm soát đến một trong các bên hoặc một công ty có liên kết của một trong các bên hoặc một nhân chứng hoặc chuyên gia.

3.4.5. Nếu trọng tài viên đã từng là thẩm phán, người này đã, trong vòng ba năm trở lại đây, xét xử một vụ kiện quan trọng liên quan đến một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên.

3.5. Các trường hợp khác

3.5.1. Trọng tài viên nắm giữ cổ phần, trực tiếp hoặc gián tiếp, mà nhờ số lượng hoặc mệnh giá nên trọng tài viên đó trở thành cổ đông chủ chốt trong một trong các bên, hoặc một công ty có liên kết của một trong các bên, bên đó hoặc công ty liên kết được niêm yết công khai.

3.5.2. Trọng tài viên đã công khai ủng hộ một quan điểm cụ thể liên quan đến vụ kiện, bất kể dưới hình thức một ấn phẩm, bài phát biểu, hoặc dưới hình thức khác.

3.5.3. Trọng tài viên giữ một vị trí trong tổ chức có thẩm quyền chỉ định đối với vụ tranh chấp.

3.5.4. Trọng tài viên là người quản lý, giám đốc hoặc thành viên của ban kiểm soát, hoặc có tầm ảnh hưởng mang tính kiểm soát đối với một công ty có liên kết của một trong các bên, trong đó công ty có liên kết này không trực tiếp liên quan đến các vấn đề tranh chấp trong vụ kiện trọng tài.

4. Danh sách Xanh

4.1. Các quan điểm pháp lý đã được thể hiện trước đây

4.1.1. Trọng tài viên trước đây đã từng thể hiện một quan điểm pháp lý (chẳng hạn trong một bài báo về pháp luật hay một bài giảng trước công chúng) liên quan đến một vấn đề mà cũng phát sinh trong vụ kiện trọng tài (nhưng quan điểm này không tập trung vào vụ kiện).

4.2. Các dịch vụ hiện đang cung cấp cho một trong các bên

4.2.1. Một công ty luật mà trong một hiệp hội hoặc trong một liên kết với công ty luật của trọng tài viên, nhưng không chia sẻ đáng kể các khoản phí hoặc các khoản doanh thu khác với công ty luật của trọng tài viên, có cung cấp dịch vụ cho một trong các bên, hoặc một công ty có liên kết của một trong các bên, trong một vấn đề không liên quan.

4.3. Mối liên hệ với một trọng tài viên khác, hoặc với luật sư của một trong các bên

4.3.1. Trọng tài viên có mối quan hệ với một trọng tài viên khác, hoặc với luật sư cho một trong các bên thông qua việc là hội viên trong cùng một hiệp hội nghề nghiệp, hoặc một tổ chức xã hội hoặc từ thiện, hoặc thông qua mạng truyền thông xã hội.

4.3.2. Trọng tài viên và luật sư cho một trong các bên trước đây đã cùng làm trọng tài viên cùng với nhau.

4.3.3. Trọng tài viên giảng dạy trong cùng một khoa hoặc cùng một trường với một trọng tài viên khác hoặc luật sư cho một trong các bên, hoặc làm việc với tư cách là một nhân sự của một hiệp hội nghề nghiệp hoặc một tổ chức xã hội hoặc từ thiện với một trọng tài viên khác hoặc với luật sư cho một trong các bên.

4.3.4. Trọng tài viên từng là một diễn giả, người điều hành hoặc người tổ chức trong một hoặc nhiều hội nghị, hoặc tham gia vào những hội thảo hoặc những nhóm làm việc

của một tổ chức nghề nghiệp, xã hội hoặc từ thiện, với một trọng tài viên khác hoặc luật sư cho các bên.

4.4. *Mối liên hệ giữa trọng tài viên và một trong các bên*

4.4.1. Trọng tài viên đã có liên hệ ban đầu với một bên, hoặc một công ty liên kết của một bên (hoặc luật sư của họ) trước khi được chỉ định làm trọng tài viên, nếu sự liên hệ này chỉ giới hạn trong các vấn đề về khả năng chấp nhận và các tiêu chuẩn của để trở thành trọng tài viên, hoặc về tên của một số ứng viên tiềm năng cho vị trí chủ tịch hội đồng trọng tài, mà không đề cập đến các khía cạnh nội dung hoặc thủ tục của vụ tranh chấp, ngoài việc cung cấp cho trọng tài viên hiểu biết cơ bản về vụ việc.

4.4.2. Trọng tài viên nắm giữ một lượng cổ phần không đáng kể của một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên, mà công ty này được niêm yết công khai.

4.4.3. Trọng tài viên và người quản lý, giám đốc hoặc thành viên ban kiểm soát, hoặc bất kỳ người nào có ảnh hưởng mang tính kiểm soát đến một trong các bên, hoặc một công ty liên kết của một trong các bên, đã làm việc cùng nhau với tư cách đồng chuyên gia, hoặc với một tư cách chuyên môn khác, bao gồm tư cách là các trọng tài viên trong cùng một vụ kiện.

4.4.4. Trọng tài viên có mối quan hệ với một trong các bên hoặc các công ty liên kết của các bên thông qua mạng truyền thông xã hội.